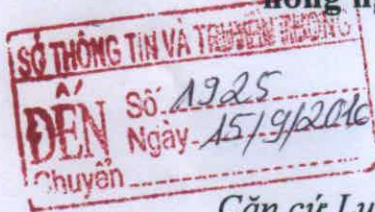


Số: 29 /2016/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 748/TTr-SNN ngày 24 tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính, Kế hoạch & Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, chuyên viên các khối;
- Lưu: VT, NLN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Ngọc An

QUY ĐỊNH

**Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2016/QĐ-UBND ngày 30 /8/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu

Thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp, khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế về đất đai, để đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, tạo sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực. Phân đấu đến năm 2020 có 27.500 ha lúa gieo trồng; 6.000 ha cây chè; 10.000 ha cây quế; 3.000 ha cây sơn tra; 500 ha cây ăn quả ôn đới.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Chính sách này sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn do địa phương tự chủ để thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và được thực hiện trong giai đoạn 2017 - 2021. Đối với các Chương trình mục tiêu và Chương trình mục tiêu Quốc gia thực hiện theo chính sách riêng của chương trình.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Các hộ gia đình, cá nhân là nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và các cơ quan thực hiện chính sách.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ những nội dung thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp mà nông dân gặp khó khăn, sản xuất kém hiệu quả. Nội dung hỗ trợ phải mang tính phổ biến, dễ tiếp cận, hướng vào khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương.

b) Chính sách hỗ trợ phải phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, phải được kế hoạch hóa theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hàng năm của tỉnh.

c) Các đối tượng được hỗ trợ và cơ quan tổ chức thực hiện dự án phải chịu trách nhiệm bồi hoàn số kinh phí hỗ trợ nếu không thực hiện đầy đủ các cam kết khi đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ; chi phí quản lý thực hiện theo đề án, dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

d) Nếu trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng mà có nhiều chính sách (chính sách của tỉnh, Chương trình mục tiêu quốc gia...) thì đối tượng chỉ được hưởng một chính sách do mình lựa chọn.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Giống lúa thuần (tiêu chuẩn xác nhận)
 - a) Hỗ trợ 50% giá giống (cả vụ Mùa và vụ Đông Xuân); mỗi vụ hỗ trợ 30% diện tích gieo trồng của huyện, thành phố.
 - b) Những nơi chưa có tập quán sản xuất vụ Đông Xuân: Hỗ trợ 70% giá giống vụ Đông Xuân; hỗ trợ 100% diện tích gieo trồng của các huyện, thành phố; thời gian hỗ trợ trong 03 năm liền.
2. Giống ngô lai
 - a) Ngô Xuân Hè: Hỗ trợ 30% giá giống.
 - b) Ngô Thu, Đông: Hỗ trợ 50% giá giống.
 - c) Ngô Xuân sớm trên đất ruộng 1 vụ và ngô trên đất bán ngập: Hỗ trợ 70% giá giống.
 - d) Hỗ trợ 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.
3. Hỗ trợ phát triển cây chè cho vùng nguyên liệu tập trung
 - a) Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới.
 - b) Hỗ trợ 100% phân bón lót (phân vô cơ hoặc phân vi sinh tổng hợp) theo quy trình.
 - c) Hỗ trợ chuyển đổi đất, khai hoang, làm đất: 15 triệu đồng/ha.
4. Hỗ trợ phát triển cây Quế
 - a) Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới.
 - b) Hỗ trợ chuyển đổi đất, khai hoang, làm đất: 6 triệu đồng/ha.
5. Hỗ trợ phát triển cây Sơn tra
 - a) Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới (cả cây trồng chính và cây trồng hỗn giao phụ trợ).
 - b) Hỗ trợ chuyển đổi đất, khai hoang, làm đất: 6 triệu đồng/ha.
6. Hỗ trợ phát triển cây ăn quả ôn đới
 - a) Hỗ trợ 01 lần 50% giá giống trồng mới.
 - b) Hỗ trợ 100% phân bón lót (phân vô cơ hoặc phân vi sinh tổng hợp) theo quy trình.
7. Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi gia súc
 - a) Hỗ trợ chuồng trại: Xây dựng khu chuồng trại chăn nuôi tập trung theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Hỗ trợ tạo mặt bằng khu chuồng

trại chăn nuôi tập trung: Tối đa 500 triệu/ha và không quá 20m²/ hộ; Hỗ trợ làm chuồng: 2 triệu đồng/hộ.

b) Hỗ trợ (một lần) kinh phí mua giống cỏ: 3.000 đồng/m²; tối đa 500m²/hộ.

8. Hỗ trợ khai hoang ruộng nước

Hỗ trợ công khai hoang: 15 triệu đồng/ha.

9. Hỗ trợ vôi cải tạo đất ruộng

Hỗ trợ 50% giá vôi theo chu kỳ 03 năm/lần/diện tích canh tác.

10. Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp

a) Máy làm đất: Hỗ trợ 50% giá mua máy, tối đa 8 triệu đồng/máy.

b) Máy cấy: Hỗ trợ 50% giá mua máy, tối đa 3 triệu đồng/máy.

Điều 6. Điều kiện hỗ trợ

1. Đối với các nội dung hỗ trợ giống lúa thuần, giống ngô lai và giống cỏ: Đối tượng được hỗ trợ có diện tích đất gieo trồng, đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, UBND cấp xã tổng hợp đăng ký với UBND cấp huyện.

2. Đối với các nội dung hỗ trợ phát triển cây chè, quế, sơn tra và cây ăn quả ôn đới: Đối tượng được hỗ trợ có diện tích đất trồng, đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, UBND cấp xã tổng hợp đăng ký với UBND cấp huyện; đảm bảo thực hiện quy trình kỹ thuật theo đề án, dự án được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Đối với nội dung hỗ trợ chuồng trại: Đối tượng được hỗ trợ, đăng ký và cam kết với UBND cấp xã, UBND cấp xã tổng hợp, lập dự án trình UBND cấp huyện thẩm định và phê duyệt; đảm bảo thực hiện tiêu chuẩn kỹ thuật theo dự án được UBND cấp huyện phê duyệt.

4. Đối với nội dung hỗ trợ khai hoang ruộng nước: Đối tượng được hỗ trợ có nhu cầu khai hoang, đăng ký với UBND cấp xã, UBND cấp xã xem xét tổng hợp đăng ký với UBND cấp huyện.

5. Đối với nội dung hỗ trợ vôi cải tạo đất: Đối tượng được hỗ trợ có diện tích đất gieo trồng, đăng ký và cam kết với UBND cấp xã, UBND cấp xã tổng hợp đăng ký với UBND cấp huyện; đảm bảo thực hiện quy trình theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

6. Đối với nội dung hỗ trợ cơ giới hoá nông nghiệp: Đối tượng được hỗ trợ có nhu cầu, đăng ký với UBND cấp xã, UBND cấp xã xét duyệt, tổng hợp đăng ký với UBND cấp huyện.

Điều 7. Nguồn vốn hỗ trợ: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn khác do địa phương tự chủ.

Chương III

CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Xây dựng kế hoạch hàng năm

1. Trước 15/6 hàng năm UBND các huyện, thành phố tổ chức lập kế hoạch, xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và nhu cầu vốn hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì thẩm định và tổng hợp các chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ và nhu cầu vốn hỗ trợ gửi Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào định hướng phát triển KT-XH hàng năm và đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, phối hợp với Sở Tài chính thống nhất về nguồn vốn, khả năng cân đối vốn để tổng hợp chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của tỉnh.

4. Sở Tài chính căn cứ vào khả năng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT và chỉ tiêu của Sở Kế hoạch và Đầu tư để cân đối các nguồn vốn hỗ trợ và dự kiến phương án phân bổ cho UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh.

5. UBND các huyện, thành phố xây dựng phương án tổ chức thực hiện theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn kinh phí được UBND tỉnh giao, chỉ được điều chỉnh khi có văn bản cho phép của UBND tỉnh.

Điều 9. Thanh toán, quyết toán.

1. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách được UBND huyện, thành phố giao thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, các đơn vị dự toán trực thuộc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Căn cứ dự toán năm được giao, các đơn vị dự toán trực thuộc UBND các huyện, thành phố thực hiện việc rút dự toán chi trả chính sách hỗ trợ theo mức quy định tại văn bản này và tiến độ, khối lượng thực hiện kế hoạch đã được UBND huyện, thành phố phê duyệt.

3. Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố và các đơn vị được giao kinh phí thực hiện chính sách có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán năm chi tiết theo nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố thẩm định xét duyệt, quyết toán năm nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp trên địa bàn và tổng hợp quyết toán thu, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch của các huyện, thành phố đề nghị, tổng hợp kế hoạch về khối lượng nhiệm vụ cụ thể, dự toán nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách toàn tỉnh gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

c) Hướng dẫn về chủng loại giống, cơ cấu giống, quy trình kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo thực hiện chính sách thiết thực, hiệu quả. Chịu trách nhiệm thẩm định về nội dung, định mức kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ.

d) Chủ trì xây dựng và thẩm định các đề án, dự án hỗ trợ phát triển cây chè, quế, sơn tra và cây ăn quả ôn đới trình UBND tỉnh xem xét, quyết định; chủ trì hướng dẫn trình tự thủ tục khai hoang ruộng nước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp cùng Sở Nông nghiệp & PTNT và các sở có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho UBND các huyện, thành phố cùng với kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định các đề án, dự án trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, thẩm định dự toán kinh phí thuộc các nguồn vốn cân đối Ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác do địa phương tự chủ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt và giao dự toán kinh phí thực hiện chính sách cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định; phối hợp thẩm định các đề án, dự án trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân trên địa bàn hiểu và triển khai thực hiện chính sách này. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã và các phòng chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách, lập dự án theo thẩm quyền. Ngoài kế hoạch được UBND tỉnh giao hàng năm, khuyến khích UBND các huyện, thành phố huy động thêm các nguồn lực của địa phương và trong Nhân dân để triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch, dự án đã được duyệt.

b) Hàng năm lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện chính sách này gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư.

c) Tổ chức thẩm định và phê duyệt các dự án hỗ trợ quy định tại chính sách theo thẩm quyền; trước khi phê duyệt phải lấy ý kiến tham gia của Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

d) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách nông nghiệp hàng năm theo đúng quy định.

Để đảm bảo kinh phí kịp thời triển khai các nội dung hỗ trợ của chính sách cho vụ Đông Xuân của năm sau kế hoạch, UBND các huyện, thành phố chủ động tạm ứng ngân sách để triển khai thực hiện. Trong trường hợp khó khăn về nguồn kinh phí thì báo cáo Sở Tài chính để thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm việc triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện chính sách trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc đơn vị báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để kịp thời tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Ngọc An